

Số: 100/HCT-KTTC

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Xi Măng Hải Phòng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Xi Măng Hải Phòng
- Địa chỉ: 290 đường Hà Nội - Hồng Bàng - Hải Phòng
- Điện thoại liên hệ: 02253.540.445 Fax: 02253.540417
- Email: vtxmhp@gmail.com Website: http://vtxmhp.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

- ☒ Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ Báo cáo tài chính riêng hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con)
- ☐ Báo cáo tài chính riêng tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng (đối với Báo cáo tài chính riêng được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn: vtxmhp.com

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (Căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
- Văn bản giải trình

 **Đại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật  
**Giám Đốc**  
  
**Lê Văn Thắng**

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Số : 101/HCT- KTTC

Về việc công bố Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**Kính gửi:**

**Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**Sở giao dịch chứng khoán Hà nội**

1. Tên công ty: **Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng**
2. Mã chứng khoán: **HCT**
3. Địa chỉ trụ sở: **290 đường Hà Nội - Hồng Bàng - Hải Phòng**
4. Điện thoại: **02253.540.445** Fax: **02253.540417**
5. Người đại diện theo pháp luật: **Giám đốc Lê Văn Thắng**
6. Nội dung công bố thông tin: **Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập ngày 12/08/2025; Bao gồm:**
  - Bảng cân đối kế toán;
  - Báo cáo kết quả kinh doanh;
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
  - Thuyết minh Báo cáo tài chính.
7. Địa chỉ Website đăng tải Báo cáo tài chính: **<http://vtxmhp.com>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Kế toán tài chính
- Lưu văn thư



**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Thắng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI  
DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Hải Phòng, tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Phạm Đăng Lợi	Chủ tịch
Ông Lê Văn Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông Phạm Đức Hoàng	Thành viên
Ông Vũ Châu Thành	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Thắng	Giám đốc
------------------	----------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Văn Thắng  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025



Số: 165 /2025/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/08/2025, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ vận tải Xi măng Hải Phòng tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đoàn Thu Hằng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>32.646.823.323</b>	<b>31.907.874.016</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		929.542.434	2.806.569.072
1. Tiền	111	5	929.542.434	2.806.569.072
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	20.350.000.000	19.340.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.350.000.000	19.340.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.155.569.334	9.572.828.769
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.485.257.740	9.032.612.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		512.106.762	317.828.825
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	718.006.869	784.189.594
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(559.802.037)	(561.802.037)
IV. Hàng tồn kho	140	9	146.604.314	63.465.162
1. Hàng tồn kho	141		146.604.314	63.465.162
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		65.107.241	125.011.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	65.107.241	125.011.013
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.398.850.178</b>	<b>9.990.144.012</b>
I. Tài sản cố định	220		7.914.588.461	8.812.898.957
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	7.801.104.963	8.695.976.565
- Nguyên giá	222		34.102.836.975	34.102.836.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.301.732.012)	(25.406.860.410)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	113.483.498	116.922.392
- Nguyên giá	228		285.410.000	285.410.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.926.502)	(168.487.608)
II. Tài sản dài hạn khác	260		484.261.717	1.177.245.055
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	484.261.717	1.177.245.055
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>41.045.673.501</b>	<b>41.898.018.028</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.100.939.890</b>	<b>3.240.631.847</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.100.939.890</b>	<b>3.240.631.847</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	758.799.856	770.065.117
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	148.038.865	368.754.086
3. Phải trả người lao động	314		952.946.116	1.883.898.332
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	237.458.104	207.317.363
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.696.949	10.596.949
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.944.733.611</b>	<b>38.657.386.181</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>38.944.733.611</b>	<b>38.657.386.181</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.163.850.000	20.163.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		20.163.850.000	20.163.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.520.577.295	11.520.577.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.510.310.915	8.510.310.915
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.250.004.599)	(1.537.352.029)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.537.352.029)	(1.752.878.765)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		287.347.430	215.526.736
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>41.045.673.501</b>	<b>41.898.018.028</b>

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Hạnh

Vũ Thanh Tùng

Lê Văn Thắng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**MẪU SỐ B02a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	15.231.153.496	14.590.931.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	143.790.554	115.314.813
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	15.087.362.942	14.475.616.741
4. Giá vốn hàng bán	11	19	13.297.290.857	13.406.097.351
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.790.072.085	1.069.519.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	459.683.248	432.299.331
7. Chi phí tài chính	22		538.104	2.465.754
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		538.104	2.465.754
8. Chi phí bán hàng	25	21	192.518.451	470.127.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.770.942.268	1.473.982.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		285.756.510	(444.756.764)
11. Thu nhập khác	31	22	94.444.445	75.000.000
12. Chi phí khác	32		16.667	97.870.000
13. Lợi nhuận khác	40		94.427.778	(22.870.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		380.184.288	(467.626.764)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	92.836.858	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		287.347.430	(467.626.764)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	143	(232)

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Hạnh

Vũ Thanh Tùng

Lê Văn Thắng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	380.184.288	(467.626.764)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	898.310.496	898.310.496
- Các khoản dự phòng	03	(2.000.000)	(4.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(452.869.248)	(396.559.331)
- Chi phí lãi vay	06	538.104	2.465.754
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	824.163.640	32.590.155
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.511.605.818)	(76.228.841)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(83.139.152)	271.906.046
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(937.269.299)	(2.231.770.238)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	752.887.110	676.360.797
- Tiền lãi vay đã trả	14	(538.104)	(5.205.480)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(288.359.516)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.900.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.250.761.139)	(1.332.347.561)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.510.000.000)	(7.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.500.000.000	8.800.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	383.734.501	746.537.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(626.265.499)	2.046.537.412
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	400.832.215	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(400.832.215)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.877.026.638)	(285.810.149)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.806.569.072	1.105.140.315
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	929.542.434	819.330.166

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thị Hạnh

Vũ Thanh Tùng

Lê Văn Thắng



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000727 ngày 24/02/2004, thay đổi lần thứ 5 theo mã số doanh nghiệp là 0200577563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/07/2019.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 290, đường Hà Nội, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HCT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 74 người (tại ngày 31/12/2024 là 76 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận chuyển bằng phương tiện vận tải thủy, bộ; Kinh doanh xi măng, xăng dầu, vật tư, vật liệu xây dựng; Kinh doanh kho, bến bãi.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các loại chứng khoán nợ khác (ví dụ: khoản đầu tư mua nợ xấu...) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu về cho vay dài hạn".

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.



**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước đó.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	07 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có thời hạn và được trích khấu hao theo thời gian của quyền sử dụng đất.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải, chi phí sửa chữa tài sản cố định. Trong đó:



- Công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ trong thời gian tối đa 03 năm.
- Bảo hiểm vật chất các phương tiện vận tải được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ trong thời gian tối đa 3 năm.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán;... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	357.213.055	245.967.633
Tiền gửi ngân hàng	572.329.379	2.560.601.439
<b>Cộng</b>	<b>929.542.434</b>	<b>2.806.569.072</b>

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,2%/năm. Trong đó bao gồm 440 triệu đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các Hợp đồng cấp bảo lãnh cho Công ty của Ngân hàng này.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.223.916.800</b>	<b>2.524.072.279</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	4.223.916.800	2.524.072.279
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>6.261.340.940</b>	<b>6.508.540.108</b>
Công ty Cổ phần Vĩnh Thủy	1.728.361.314	1.740.285.782
Cửa hàng Vật liệu xây dựng Hùng Nga	1.578.574.500	1.758.574.500
Các khách hàng khác	2.954.405.126	3.009.679.826
<b>Cộng</b>	<b>10.485.257.740</b>	<b>9.032.612.387</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	152.219.615	-	27.576.643	-
Lãi dự thu	527.901.882	-	458.767.135	-
Chiết khấu thương mại phải thu	-	-	111.990.740	-
Phải thu khác	37.885.372	(30.164.669)	185.855.076	(30.164.669)
<b>Cộng</b>	<b>718.006.869</b>	<b>(30.164.669)</b>	<b>784.189.594</b>	<b>(30.164.669)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	146.604.314	-	63.465.162	-
<b>Cộng</b>	<b>146.604.314</b>	<b>-</b>	<b>63.465.162</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>65.107.241</b>	<b>125.011.013</b>
Chi phí bảo hiểm	44.817.749	55.365.183
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	991.663	22.719.999
Chi phí sửa chữa tài sản	2.619.163	37.309.165
Các khoản khác	16.678.666	9.616.666
<b>Dài hạn</b>	<b>484.261.717</b>	<b>1.177.245.055</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.109.855	79.087.123
Chi phí sửa chữa tài sản	427.151.862	1.098.157.932
<b>Cộng</b>	<b>549.368.958</b>	<b>1.302.256.068</b>

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2025	285.410.000	285.410.000
Tại ngày 30/06/2025	285.410.000	285.410.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2025	168.487.608	168.487.608
Khấu hao trong kỳ	3.438.894	3.438.894
Tại ngày 30/06/2025	171.926.502	171.926.502
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2025	116.922.392	116.922.392
Tại ngày 30/06/2025	113.483.498	113.483.498
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	<i>58.443.000</i>	<i>58.443.000</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI XI MĂNG HÀI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09a-DN**

**12. NỢ XẤU**

	30/06/2025				01/01/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>		<b>529.637.368</b>	-	<b>(529.637.368)</b>		<b>531.637.368</b>	-	<b>(531.637.368)</b>
Công ty Cổ phần Đức Minh	> 3 năm	155.068.352	-	(155.068.352)	> 3 năm	155.068.352	-	(155.068.352)
Công ty TNHH MTV Quảng Tân	> 3 năm	65.500.000	-	(65.500.000)	> 3 năm	65.500.000	-	(65.500.000)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải biển bộ Khánh Quân	> 3 năm	57.503.500	-	(57.503.500)	> 3 năm	57.503.500	-	(57.503.500)
Bà Vũ Thị Thanh Vân	> 3 năm	20.000.000	-	(20.000.000)	> 3 năm	22.000.000	-	(22.000.000)
Đối tượng khác	> 3 năm	231.565.516	-	(231.565.516)	> 3 năm	231.565.516	-	(231.565.516)
<b>Phải thu khác</b>		<b>30.164.669</b>	-	<b>(30.164.669)</b>		<b>30.164.669</b>	-	<b>(30.164.669)</b>
Đối tượng khác	> 3 năm	30.164.669	-	(30.164.669)	> 3 năm	30.164.669	-	(30.164.669)
<b>Cộng</b>		<b>559.802.037</b>	-	<b>(559.802.037)</b>		<b>561.802.037</b>	-	<b>(561.802.037)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	1.502.858.023	36.015.325	32.563.963.627	34.102.836.975
Tại ngày 30/06/2025	1.502.858.023	36.015.325	32.563.963.627	34.102.836.975
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2025	1.389.875.707	24.410.370	23.992.574.333	25.406.860.410
Khấu hao trong kỳ	13.292.034	1.200.510	880.379.058	894.871.602
Tại ngày 30/06/2025	1.403.167.741	25.610.880	24.872.953.391	26.301.732.012
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2025	112.982.316	11.604.955	8.571.389.294	8.695.976.565
Tại ngày 30/06/2025	99.690.282	10.404.445	7.691.010.236	7.801.104.963
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	971.176.636	-	9.160.624.765	10.131.801.401

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 66/BB-HĐQT ngày 08/12/2023 đã thông qua nội dung về việc thống nhất dừng khai thác tàu Hồng Bàng 68 đưa vào đà thuê trông coi từ năm 2024, nếu tìm được đối tác thuê sẽ triển khai phương án cho thuê. Đồng thời, Công ty lập kế hoạch thanh lý tàu khi đủ điều kiện. Nguyên giá tàu Hồng Bàng 68 là 17.387.273.164 đồng, giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 là 5.022.990.028 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HÀI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>48.738.193</b>	<b>48.738.193</b>	<b>64.968.677</b>	<b>64.968.677</b>
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	48.738.193	48.738.193	64.968.677	64.968.677
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>710.061.663</b>	<b>710.061.663</b>	<b>705.096.440</b>	<b>705.096.440</b>
Công ty Cổ phần E29	402.988.394	402.988.394	484.462.216	484.462.216
Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải Việt Cường	78.854.345	78.854.345	71.396.660	71.396.660
Nhà cung cấp khác	228.218.924	228.218.924	149.237.564	149.237.564
<b>Cộng</b>	<b>758.799.856</b>	<b>758.799.856</b>	<b>770.065.117</b>	<b>770.065.117</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	152.713.800	631.801.308	685.121.040	99.394.068
Thuế thu nhập doanh nghiệp	202.305.107	92.836.858	288.359.516	6.782.449
Thuế thu nhập cá nhân	13.735.179	49.699.432	51.598.261	11.836.350
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	680.594.998	650.569.000	30.025.998
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>368.754.086</b>	<b>1.457.932.596</b>	<b>1.678.647.817</b>	<b>148.038.865</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.558.104	12.558.104
Nhận ký quỹ, ký cược	135.000.000	60.000.000
Chiết khấu thương mại phải trả	-	65.259.259
Các khoản phải trả, phải nộp khác	89.900.000	69.500.000
<b>Cộng</b>	<b>237.458.104</b>	<b>207.317.363</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI XI MĂNG HÀI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B09a-DN**

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	20.163.850.000	11.520.577.295	8.510.310.915	(1.752.878.765)	38.441.859.445
Lãi trong năm	-	-	-	215.526.736	215.526.736
Tại ngày 01/01/2025	20.163.850.000	11.520.577.295	8.510.310.915	(1.537.352.029)	38.657.386.181
Lãi trong kỳ	-	-	-	287.347.430	287.347.430
Tại ngày 30/06/2025	20.163.850.000	11.520.577.295	8.510.310.915	(1.250.004.599)	38.944.733.611

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	53,86%	10.860.400.000	53,86%	10.860.400.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	24,69%	4.979.000.000	24,69%	4.979.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Nhung	5,23%	1.054.000.000	5,23%	1.054.000.000
Ông Nguyễn Đặng Bảo Linh	5,02%	1.012.000.000	5,02%	1.012.000.000
Các cổ đông khác	11,20%	2.258.450.000	11,20%	2.258.450.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>20.163.850.000</b>	<b>100%</b>	<b>20.163.850.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia cổ tức, phân phối lợi nhuận**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	20.163.850.000	20.163.850.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	20.163.850.000	20.163.850.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**Cổ phiếu**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.016.385</b>	<b>2.016.385</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>2.016.385</b>	<b>2.016.385</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.016.385	2.016.385
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.016.385</b>	<b>2.016.385</b>
- Cổ phiếu phổ thông	2.016.385	2.016.385
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**18. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	2.128.623.039	5.116.636.296
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.102.530.457	9.474.295.258
<b>Cộng</b>	<b>15.231.153.496</b>	<b>14.590.931.554</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	143.790.554	115.314.813
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>15.087.362.942</b>	<b>14.475.616.741</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ so sánh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	12.237.866.921	8.645.082.255
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xi măng	3.703.704	-
<b>Cộng</b>	<b>12.241.570.625</b>	<b>8.645.082.255</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.874.460.150	4.724.544.242
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.422.830.707	8.681.553.109
<b>Cộng</b>	<b>13.297.290.857</b>	<b>13.406.097.351</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lãi tiền gửi	452.869.248	396.559.331
Chiết khấu thanh toán	6.814.000	35.740.000
<b>Cộng</b>	<b>459.683.248</b>	<b>432.299.331</b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>192.518.451</b>	<b>470.127.140</b>
Chi phí nhân viên	151.588.761	209.955.763
Chi phí vật liệu, bao bì	13.341.656	91.828.293
Chi phí dụng cụ, đồ dùng khâu tiêu thụ	-	4.057.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	119.089.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.493.138	5.768.565
Chi phí khác	20.094.896	39.427.263
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.770.942.268</b>	<b>1.473.982.591</b>
Chi phí nhân viên	890.310.439	698.254.098
Chi phí vật liệu quản lý	61.687.701	64.699.934
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	12.502.002	20.282.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.438.894	3.438.894
Thuế, phí và lệ phí	80.201.093	72.252.240
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(2.000.000)	(4.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.386.679	130.448.572
Chi phí khác	580.415.460	488.606.313
<b>Cộng</b>	<b>1.963.460.719</b>	<b>1.944.109.731</b>

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Xi măng hỗ trợ	94.444.445	-
Tiền phạt, bồi thường	-	75.000.000
<b>Cộng</b>	<b>94.444.445</b>	<b>75.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI XI MĂNG HẢI PHÒNG**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	380.184.288	(467.626.764)
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	84.000.000	1.287.524.553
Trừ: Lỗ được kết chuyển	-	819.897.789
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>464.184.288</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>92.836.858</b>	<b>-</b>

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	287.347.430	(467.626.764)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	287.347.430	(467.626.764)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.016.385	2.016.385
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>143</b>	<b>(232)</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.435.174.582	1.928.801.828
Chi phí nhân công	4.990.160.540	4.016.519.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	898.310.496	898.310.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.395.581.088	1.803.625.391
Chi phí khác	1.667.064.720	1.978.405.678
<b>Cộng</b>	<b>13.386.291.426</b>	<b>10.625.662.840</b>



## 26. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

## Các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Logistic Vicem	Công ty con cùng Công ty mẹ
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xi măng	Đơn vị trực thuộc Viện Công nghệ Xi măng Vicem

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ, Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

## Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
<b>Mua hàng</b>		
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	13.970.911	13.402.340
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	1.762.469.408	4.333.160.853
<b>Chiết khấu thanh toán được hưởng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	6.814.000	35.740.000
<b>Thu nhập khác</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	94.444.445	-

## Số dư với bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	512.106.762	317.828.825
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	111.990.740

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thu nhập của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
Ông Phạm Đăng Lợi	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Thắng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	214.473.900	185.543.300
Ông Phạm Đức Hoàng	Thành viên HĐQT	129.929.400	104.530.764
Ông Vũ Châu Thành	Thành viên HĐQT độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	16.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quang Anh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	8.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>428.403.300</b>	<b>374.074.064</b>

**27. THÔNG TIN KHÁC**

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
Bà Trịnh Thị Hương	Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Lương Quang Tân	Thành viên Ban kiểm soát	110.166.100	81.828.784
Ông Phạm Huy Hiệp	Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>152.166.100</b>	<b>123.828.784</b>

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán chuyển sang. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

Hải Phòng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Hạnh

Vũ Thanh Tùng

Lê Văn Thắng